



WIKIPEDIA
Bách khoa toàn thư mở



Huệ Năng

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia



Nhục thân của thiền sư Huệ Năng đặt tại chùa Hoa Nam huyện Thiều Quang, tỉnh Quảng Đông Trung Quốc (ở đây cũng lưu giữ nhục thân của sư Hám Sơn và Đan Điền)

Đại sư **Huệ Năng** (*Năng*, zh. *huìnéng*/ *hui-neng* 慧能, ja. *enō*), 638-713, là một vị Thiền sư vĩ đại trong lịch sử Thiền Tông Trung Hoa. Sư kế tiếp Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, trở thành vị Tổ thứ 6 của Thiền Tông Trung Quốc.

Trước Huệ Năng, Thiền còn mang nặng ảnh hưởng Ấn Độ nhưng đến đời Sư, Thiền bắt đầu có những đặc điểm riêng của Trung Quốc. Vì vậy mà có người cho rằng sư mới thật sự là người Tổ khai sáng dòng Thiền tại đây. Huệ Năng không chính thức truyền y bát cho ai, nên sau đó không còn ai chính thức là truyền nhân. Tuy nhiên sư có nhiều học trò xuất sắc. Môn đệ chính là Thanh Nguyên Hành Tư và Nam Nhạc Hoài Nhượng là hai vị Thiền sư dẫn đầu hậu như toàn bộ các dòng Thiền về sau.

Sư được coi là người sáng lập Thiền Đốn Ngộ (Thiền Nam Tông)- với chủ trương đạt giác ngộ trực tiếp, nhanh chóng. Sư tác giả của tác phẩm chữ Hán duy nhất được gọi là "Kinh", một danh từ thường chỉ được dùng chỉ những lời nói, bài dạy của chính Phật Thích-ca, đó là *Lục tổ đại sư pháp bảo đàn kinh*, một tác phẩm với ý nghĩa rất sâu xa về thiền. Cũng nhờ *Pháp bảo đàn kinh* mà người ta biết được ít nhiều về Huệ Năng.

Đạo nghiệp

Sư họ Lô (zh. 盧), người Tân Châu, sinh trong một gia đình nghèo, cha sư làm quan bị giáng chức tới Tân Châu, Nam Hải và định cư tại đây.

Khi sư lên 3 tuổi thì cha mất, lớn lên giúp mẹ bán củi. Một hôm, trong lúc bán củi, nghe người ta tụng kinh *Kim cương*, sư bỗng nhiên có ngộ nhập. Nghe người đọc kinh nhắc đến Hoằng Nhẫn, sư liền đến tìm học. Hoằng Nhẫn nhận ra ngay căn cơ của Sư, nhưng không truyền pháp ngay, bắt tiếp tục chẻ củi, vo gạo. Truyền thuyết nổi tiếng về việc truyền tâm ấn cho Huệ Năng và việc phân đôi hai phái Thiền Nam-Bắc được kể lại như sau:

Hoằng Nhẫn biết tới lúc mình phải tìm người kế thừa nên ra lệnh cho học trò mỗi người viết kệ trình bày kinh nghiệm giác ngộ. Cuối cùng chỉ có Thần Tú, một đệ tử với tri thức xuất sắc mới dám làm. Thần Tú viết bài kệ, so sánh thân người như cây Bồ-đề và tâm như tấm gương sáng và người tu hành phải lo lau chùi, giữ tấm gương luôn luôn được trong sáng. Sư đang làm việc trong bếp, nghe đọc bài kệ, bèn nhờ người viết bài kệ của mình như sau:

菩提本無樹。
明鏡亦非臺
本來無一物。
何處有(匿)塵埃

*Bồ-đề bản vô thụ,
Minh kính diệc phi đài
Bản lai vô nhất vật,
Hà xứ hữu (nặc) trần ai?*

Bồ-đề vốn chẳng phải cây,
Gương sáng chẳng phải đài
Xưa nay vốn không phải vật,
Nơi nào dính bụi trần?

Nghe bài kệ, Hoả`ng Nhẫn biế t căn cơ của sư vượt hẳn Thâ`n Tú, nhưng sợ di hại nên nửa đêm gọi sư vào thấ t và thuyế t trọn kinh Kim cương cho sư. Đế n câu "Đừng để tâm vương víu nơi nào" (ưng vô sở trụ nhi sinh kì tâm 應無所住而生其心), sư hoát nhiên đại ngộ.

Ngũ Tổ nói: "Chư Phật xuấ t thê` là một việc trọng đại, nên tùy theo căn cơ cao thấ p khác nhau mà hướng dẫn, cho nên mới có các chỉ ý mười địa, ba thừa, nhanh chậm làm Giáo môn. Nhưng Thê` Tôn đã đem pháp môn vô thượng thâm diệu, trong sáng sâu xa là Chánh pháp nhãn tạng chân thực truyề n đạt cho đệ tử thứ nhấ t là Đại Ca-diế`p Tôn giả, lầ n lượt truyề n qua 28 đời. Đế n Tổ Đạt Ma thì sang tới Đông Độ này, được Khả đại sư nô`i tiế p đế n hôm nay. Nay ta đem Pháp bảo cùng với Cà-sa trao lại cho ông. Hãy khéo giữ gìn, đừng để pháp đứt đoạn". Rô`i đọc kệ truyề n pháp:

Phiên âm:

Hữu tình lai hạ chủng

Nhân địa quả hoàn sinh

Vô tình ký vô chủng

Vô tính diệc vô sanh.

Tạm dịch:

Hữu tình đế n gieo mầ`m

Nhờ đầ t trái nảy sinh

Vô tình đã không giồ`ng

Không tính cũng không sinh.

Sư quỳ xuô`ng nhận y và pháp, nói: "Pháp, con đã nhận, còn y sẽ trao cho ai?".

Tổ nói: "Xưa, lúc đầu Tổ Đạt Ma đến đây, vì chưa ai tin nên phải truyền y làm biểu minh đặc pháp. Nay tín tâm mọi người đã muôn, chiến c y sẽ là đầu mối tranh giành. Vậy nên đến ông thì dừng lại không truyền nữa. Ông nên đi xa ẩn lánh, đợi thời cơ mà hành đạo, bởi lẽ người nhận y, mạng như tơ mảnh".

Sư hỏi: "Nên ẩn nơi đâu?", Tổ nói: "Gặp Hoài thì dừng, gặp Hội thì ẩn". tức là muốn khuyên sư đi về phương Nam. Khi tiễn sư xuống thuyền, Tổ muốn tự chèo đò đưa sư sang sông, sư bèn nói: "Khi mê thây độ, ngộ rồi tự độ" và tự chèo qua sông.

Suốt 15 năm sau, sư ở ẩn, và trong thời gian này vẫn là cư sĩ. Sau đó, sư đến chùa Pháp Tính ở Quảng Châu. Đó là nơi sản sinh công án nổi tiếng "chẳng phải gió, chẳng phải phướn" (*Vô môn quan*, công án 29). Sau khi sư chen vào nói "tâm các ông động" thì Ấn Tông, vị sư trụ trì của chùa hỏi sư: "Nghe nói y pháp Hoàng Mai đã truyền về phương Nam, phải chăng là hành giả?" Sư không thể giấu giếm, bèn thuật nguyên do việc đặc Pháp. Ấn Tông bèn tự chấp lễ đệ tử, thỉnh cầu được nhận pháp yếu của Thiệu và nói với chúng: "Ấn Tông ta đây thực là phàm phu, nay mới được gặp Bồ-tát thân phàm" Và thỉnh sư đưa y bát ra để cho chúng được chiêm ngưỡng.

Ngày 15 tháng giêng, Ấn Tông mời các bậc danh đức đến làm lễ cáo tóc cho sư. Đến ngày 8 tháng 2, Trí Quang Luật sư chùa Pháp Tính đứng ra làm lễ thọ cụ túc giới cho sư. Giới đàn này do Ngài Tam Tạng Cầu-na-bạt-đà-la triêu (Lưu) Tông thiết lập. Ngài Tam Tạng Bạt-đà-la từng thọ ký: "Sau này sẽ có Bồ-tát thân phàm thọ giới tại đàn này". Và cuối thời Lương, có Chân đế Tam tạng đã tự tay trồng hai cây Bồ-đề bên cạnh đàn và nói với chúng: "Sau 120 năm, sẽ có bậc Đại pháp sĩ dưới cội cây này diễn pháp vô thượng thừa độ vô số chúng sinh", tức là chỉ cho Lục Tổ Huệ Năng vậy..

Hoàng Pháp

Sau khi thọ giới cụ túc xong, sư ở lại chùa Pháp Tính giảng về giáo pháp của Thiệu Tông, chúng học giả tăng tục đến dự nghe pháp rất đông.

Sang năm, vào ngày 8 tháng 2, Sư nói với môn nhân: "Ta không định lưu tại đây mà muốn trở về nơi ẩn khi xưa". Ấn Tông cùng hơn ngàn người cả tăng lẫn tục làm lễ tiễn đưa sư về chùa Bảo Lâm.

Quan Thứ sử Thiệu Châu là Vi Cứ đã thỉnh sư đến chùa Đại Phạn thuyết giảng pháp vi diệu và thọ giới vô tướng tâm địa. Môn đồ là Pháp Hải Thiệu sư đã chép lại thành sách tên gọi Đàn Kinh, truyền bá rộng rãi trong đời.

Sau đó, Sư trở về Tào Khê, thuyết giảng Pháp môn Đốn Ngộ. Học giả thường không dưới ngàn người.

Vua Võ Tắc Thiên từng sai sứ là Tiết Giản đem thư chiếu đến mời sư vào cung thuyết pháp. Sư dâng thư từ chối vì đau yếu, nguyện chung thân ở nơi rừng núi. Vua bảo Tiết Giản đến gặp sư hỏi đạo rồi truyền lại cho vua nghe, Giản nghe sư nói pháp liền đại ngộ, đành lễ từ biệt về triều, dâng thư tâu lại lời dạy của sư. Vua hạ chiếu kính tạ và cúng dường cà-sa ma nạp rất quý và 500 xá p lụa, một chiếu bát vàng.

Đầu niên hiệu Tiên Thiên, Sư báo cùng tứ chúng: "Ta nhận y - pháp của Nhẫn đại sư, nay vì các ông mà nói pháp, nhưng không truyền lại y. Ấy cũng vì gốc tin các ông đã đủ, cứ nhất định chẳng nghi là đã đủ xác nhận sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của ta". Và đọc kệ:

Tâm địa hàm chư chủng *Đất tâm dung các giống*

Phổ vũ tất giai sanh *Mưa khắp tất nẩy sanh*

Đốn ngộ hoa tình dĩ *Đốn ngộ - hoa bùng nở*

Bồ-đề quả tự thành. *Bồ-đề quả tự thành.*

Nói kệ xong, Sư bảo: "Pháp này không hai, tâm ấy cũng như vậy. Đạo ấy thanh tịnh cũng không có các tướng. Các ông chó nên chấp quán tịnh và ngoan không cái tâm. Tâm vô n đã tịnh, không thể giữ - bỏ. Mọi người hãy gắng lên, tùy duyên mà đi tới!".

Sư giảng pháp hóa độ chúng sinh qua 40 năm, đến ngày 6 tháng 7 năm ấy, sư bảo đệ tử đến chùa Quốc Ân Tân Châu lập tháp Báo Ân.

Thị Tịch

Niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, ngày mùng 1 tháng 7, Sư bảo cùng môn đồ: "Ta muốn về Tân Châu, các ông mau chuẩn bị thuyền". Lúc ấy, mọi người buồn bã quyết tâm luyến cầu xin sư ở lại. Sư nói: "Chư Phật ra đời vẫn phải thị hiện vào Niết-bàn. Có đến ắt có đi, lẽ thường là vậy. Hình hài này của ta tất cũng phải có chỗ quay về". Chúng nói: "Sư ra đi, xin mau mau trở lại". Sư đáp: "Lá rụng về cội, ngày trở lại không nói được". Chúng lại hỏi: "Pháp nhãn của thầy, truyền lại cho người nào?" Sư nói: "Có đạo thì được, vô tâm thì thông". Chúng hỏi: "Sau này có nạn gì không?" Sư nói: "Sau khi ta tịch diệt năm sáu năm, sẽ có người đến lấy đầu ta!". Rồi nói: khi ta tịch diệt 70 năm sẽ có hai Bồ-tát từ phương Đông tới, một tại gia, một xuất gia. Cả hai cùng dựng lập pháp ta, làm hưng thịnh tông phái ta! (tức là Thiệt sư Mã Tổ Đạo Nhứt và cư sĩ Bàng Long Uẩn sau này)

Ngày mùng 3 tháng 8 năm ấy, sư đến chùa Quốc Ân ở Tân Châu, tắm rửa xong vào ngôi xiếp bằng an nhiên thị tịch. Ngày 13 tháng 11, mọi người cùng đưa sư đến nhập tháp tại nơi này, thọ 76 tuổi. Vua Đường Hiếntông thụy tặng sư là Đại Giám Thiệt Sư. Tháp hiệu Nguyên Hòa Linh Chiếu.

Tư Tưởng

Lục Tổ Huệ Năng nói rằng mọi chúng sinh từ ngu dốt đến thông minh đều có sẵn Phật Tính, bởi do có phiến não nên mới thành chúng sinh, chỉ cần ngộ thì lập tức Thành Phật, Sư nói: "Trí Bát Nhã (Phật Tính), người đời vốn tự có, Chỉ bởi tâm mê, không thể tự thấy, nên phải nhờ bậc đại thiện tri thức chỉ ra mới thấy được tính. Nên biết người ngu kẻ trí đều sẵn có tính Phật, chẳng khác chi nhau. Chỉ bởi mê ngộ chẳng đồng, nên mới có người ngu kẻ trí" (trích Pháp Bảo Đàn Kinh, Đoàn Trung Còn dịch). Tư tưởng này vốn đã được nhắc đến nhiều trong các kinh điển Đại Thừa về đề tài Phật Tính và trong bài kệ về Tông chỉ Thiệt Tông của Sơ Tổ Bồ-Đề-Đạt Ma.

Lục Tổ Huệ Năng chủ trương đồ `n ngộ, tức là cái ngộ ngay tức khắ `c, trực nhận bản thể Phật Tính, thanh tịnh, tuyệt đồ `i ngay chính mình, không phải do đọc hiểu văn tự, ghi nhớ, hiểu biế `t mà được, và cũng không câ `n phải trải qua nhiề `u câ `p bậc tu chứng như trong các Kinh Điển Đại Thừa (thập tín, thập nguyện, thập hạnh, thập trụ, thập hờ `i hướng..) hay Nam Tông (4 câ `p bậc A-la-hán), và đồ `i với thuyế `t này, Lục Tổ là nhân vật ví dụ điển hình, sư tuy không biế `t chữ nghĩa, cũng không được tiế `p cận với Kinh điển nhiề `u, nhưng lại có cái ngộ siêu việt. Từ học thuyế `t này hình thành nên Thiề `n Nam Tông để đồ `i lập với Tư Tướng của Đại sư Thầ `n Tú và các môn đệ của ông, cho rằ `ng người tu hành phải Tiệm Tu, trải qua nhiề `u câ `p bậc tu chứng, phá ngã chấ `p, diệt trừ phiề `n não, thiề `n định trong nhiề `u kiế `p tu hành thì mới thành Phật được, tư tưởng này tạo nên Thiề `n Bắ `c Tông.

Các môn đệ của Thầ `n Tú phía Thiề `n Bắ `c Tông thường chê Lục Tổ rằ `ng: "Chẳng biế `t một chữ, có chi là giỏi". (trích Pháp Bảo Đàn Kinh, Đoàn Trung Còn dịch). Tuy nhiên đại sư Thầ `n Tú có cái nhìn ôn hòa hơn các đệ tử của mình vô `n mang tư tưởng cô ` chấp, tiêu cực. Sư Thầ `n Tú nói rằ `ng: "Vị ấ `y (tức Lục Tổ) được trí vô sư, ngộ sâu pháp Thượng Thừa, ta chẳng bắ `ng được". Và sư Thầ `n Tú cũng công nhận Lục Tổ là người được Ngũ Tổ Hoà `ng Nhẫ `n được truyề `n tâm ấ `n và y bát kế ` tiế `p Tổ vị, sư cũng khuyên các môn đệ của mình nên đế `n yế `t kiế `n Lục Tổ. Trong số ` các môn đệ của Thầ `n Tú, có các vị như: Chí Thành, Hành Xương từng đế `n tu học với Lục Tổ và được truyề `n tâm ấ `n.

Về Thiề `n Định và Trí Huệ, Lục Tổ cho hai thứ này vô `n là một, không có phân biệt. Sư nói: "Thiện tri thức, pháp môn này lâ `y Định- Huệ làm gó `c. Các người chớ lâ `m rằ `ng Định với Huệ có khác; Định Huệ vô `n nhấ `t thể, chẳng phải là hai. Định là thể của Huệ, Huệ là dụng của Định, ngay trong lúc huệ có định, ngay trong lúc định có huệ, thầ `u được nghiã này tức là định huệ đồ `ng nhau. Các người học đạo chớ cho là trước phát định sau phát huệ, hay trước huệ sau định có khác, kiế `n giải như vậy thành ra pháp có nhị tướng. Miệng tuy nói lành mà trong tâm chẳng lành, tuy có định huệ mà định huệ chẳng đồ `ng nhau. Né `u tâm miệng đề `u lành, trong ngoài nhấ `t thể, tức là định huệ đồ `ng nhau" (Trích Kinh Pháp Bảo Đàn, Hòa thượng Thích Duy Lực dịch)

Về vấ `n đề ` Tọa Thiề `n (ngồ `i thiề `n), Lục Tổ cho rằ `ng đồ `i với cảnh giới bên ngoài: tâm niệm chẳng khởi lên gọi là Tọa (ngồ `i), đồ `i với bên trong thầ `y tự tánh mình chẳng động gọi là Thiề `n. Còn Thiề `n Định, Lục Tổ nói rằ `ng bên ngoài lìa tất cả các tướng (hình tướng) gọi là Thiề `n, bên trong tâm chẳng loạn (động) gọi là Định.

Trong số ` môn đệ của Thầ `n Tú, có ba người được phong Quố `c sư, trong đó sư Phỏ ` Tịch là danh giá nhấ `t, từng làm quố `c sư cho ba đời vua, pháp môn tiệm tu của Thiề `n Bắ `c Tông phát triển, Phỏ ` Tịch tự tôn Thầ `n Tú làm Lục Tổ Thiề `n Tông và tự xưng là Thầ `t Tổ, và dùng danh tiế `ng, mộ `i quan hệ với triề `u đình để lâ `y sự ủng hộ. Thiề `n sư Hà Trạch Thầ `n Hội là người đã đấ `nh chính lại vấ `n đề ` này, chỉ trích phía Thầ `n Tú không phải Thiề `n chính thố `ng của Tổ sư Đạ `t Ma. Ngày 15 tháng Giêng năm thứ 20 niên hiệu Khai Nguyên, Thiề `n sư Thầ `n hội ở Hoạ `t Đài (hiện là Hoạ `t Huyện tỉnh Hà Nam), Chùa Đại Vân lập đại hội vô giá, xác định pháp thố `ng Thiề `n Tông do Tổ Đạ `t Ma truyề `n. Năm thứ 8 niên hiệu Thiên Hữu, một lâ `n nữa xác định Tông chỉ Nam Tông tại Lạc Dương, từ đó Thiề `n của Lục Tổ được chính thức công nhận là Thiề `n chính tông.

Dưới Lục Tổ có 33 môn đệ đắ `c pháp, trong đó nổi bật nhấ `t là 5 vị làm cho Thiề `n Tông đời sau được hưng thịnh và ảnh hưởng lớn trong Phật Giáo Trung Quố `c:

1. Thiền sư Nam Nhạc Hoà `i Nhượ `ng, từ pháp mạch này sinh ra Tông Lâm Tế, Quy Ngườ `ng.
2. Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư, từ pháp mạch này sinh ra Tông Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhẫ `n.

- Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác, tác giả của Chứng Đạo Ca và quyển Thiền Tông Vĩnh Gia Tập nổi tiếng
- Thiền sư Nam Dương Tuệ Trung, từng làm Quốc Sư.
- Thiền sư Hà Trạch Thần Hội, người định tông chỉ, đưa Thiền Nam Tông trở thành chính thống.

Đặc biệt, từ hai vị Nam Nhạc Hoài Nhượng và Thanh Nguyên Hành Tư, Thiền Tông sản sinh vô số các Thiền sư danh tiếng truyền bá tư tưởng Đốn Ngộ, Thiền Tông trở thành Pháp môn phổ biến, thịnh hành nhất vào các thời Đường, Tống. Được truyền qua nhiều nước như Việt nam, Nhật Bản, Hàn Quốc. Đến thời Minh, Thanh, Thiền bắt đầu suy yếu và nhường chỗ cho Tịnh Độ Tông. Ngày nay, tuy Thiền Tông đã phân nhiều phái nhát và không còn ảnh hưởng mấy nữa, nhưng nó vẫn là một đề tài cuốn hút đối với các tăng, ni và cư sĩ, phật tử.

Tham Khảo

- Lục Tổ đại sư pháp bảo đàn kinh* 六祖大師法寶壇經, Taishō Vol. 48, No. 2008.
- Kinh Pháp Bảo đàn* trong Thích Duy Lực (dịch): *Chư Kinh Tập Yếu*, Thành Hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành, 1994.
- Đàn Kinh tinh hoa & trí tuệ, Giả Đề Thao, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa, Hà Nội. 2012
- Fo Guang Ta-tz'u-tien* 佛光大辭典. Fo Guang Ta-tz'u-tien pien-hsiu wei-yuan-hui 佛光大辭典編修委員會. Taipei: Fo-kuang ch'u-pan-she, 1988. (Phật Quang Đại Từ điển. Phật Quang Đại Từ điển biên tu uỷ viên hội. Đài Bắc: Phật Quang xuất bản xã, 1988.)
- Dumoulin, Heinrich:

Geschichte des Zen-Buddhismus I. Indien und China, Bern & München 1985.

Geschichte des Zen-Buddhismus II. Japan, Bern & München 1986.

Bảng các chữ viết tắt

bo.: Bod skad བོད་སྐད་, tiếng Tây Tạng | **ja.**: 日本語 tiếng Nhật | **ko.**: 한국어, tiếng Triều Tiên | **pi.**: Pāli, tiếng Pali | **sa.**: Sanskrit संस्कृतम्, tiếng Phạn | **zh.**: 中文 chữ Hán

Lấy từ "https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Huệ_Năng&oldid=68120723"